

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ **E-ĐKCT** phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

A. Các quy định chung	
E-ĐKC 1.4	<p>Chủ đầu tư là: Công ty Điện lực Vĩnh Long</p> <p>Địa chỉ: Số 11, Đại lộ Đồng Khởi, phường An Hội, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam</p> <p>Tài khoản: 118002943529 - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Trà Vinh</p> <p>Mã số thuế: 0300942001 - 021</p> <p>Điện thoại: (0275) 8511909</p> <p>Fax: (0275) 3824022</p> <p>E-mail: -</p>
E-ĐKC 1.7	<p>Công trình bao gồm: Cung cấp vật tư thiết bị và thi công Sửa chữa lưới điện khu vực Điện lực Cầu Kè, Càng Long, Trà Vinh, Trà Cú, Châu Thành bổ sung năm 2026.</p>
E-ĐKC 1.10	<p>Địa điểm Công trường tại:</p> <ul style="list-style-type: none">- Khu vực Đội quản lý điện Cầu Kè: các xã Cầu Kè, Tam Ngãi, Phong Thạnh - tỉnh Vĩnh Long.- Khu vực Đội quản lý điện Càng Long: các xã Tân An, An Trường, Bình Phú, Nhị Long - tỉnh Vĩnh Long.- Khu vực Đội quản lý điện Trà Vinh: các phường Trà Vinh, Long Đức - tỉnh Vĩnh Long.- Khu vực Đội quản lý điện Trà Cú: các xã Tập Sơn, Trà Cú, Lưu Nghiệp Anh, Hàm Giang, Đại An và Long Hiệp - tỉnh Vĩnh Long.- Khu vực Đội quản lý điện Châu Thành: các xã Châu Thành, Song Lộc, Hưng Mỹ, Hòa Minh, Long Hòa - tỉnh Vĩnh Long.
E-ĐKC 1.16	<p>Ngày hoàn thành là: 75 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực</p>
E-ĐKC 1.17	<p>Ngày hoàn thành dự kiến cho toàn bộ Công trình là: 75 ngày</p>

E-ĐKC 1.18	Ngày khởi công là: là ngày ghi trong lệnh khởi công của Chủ đầu tư.
E-ĐKC 1.19	Nhà thầu là: ___ [ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu].
E-ĐKC 1.29	<p>- Tư vấn quản lý dự án: Công ty Điện lực Vĩnh Long. Địa chỉ: Số 11, Đại lộ Đồng Khởi, phường An Hội, tỉnh Vĩnh Long Điện thoại: 0275. 8511909 Fax: 0275.3824022;</p> <p>- Tư vấn giám sát là: Địa chỉ: Điện thoại: - Fax: -</p>
E-ĐKC 2.1	Hoàn thành từng phần: 75 ngày cho toàn bộ công trình
E-ĐKC 2.3(i)	<p>Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kinh tế kỹ thuật được phê duyệt; - Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; - Biên bản hoàn thiện hợp đồng; - Bảng giá trúng thầu (bao gồm cả bảng chi tiết vật tư, nhân công,...); - Đảm bảo thực hiện hợp đồng; - Kế hoạch thi công; Biểu tiến độ thi công chi tiết; Biện pháp tổ chức thi công; - Danh sách cán bộ chủ chốt của nhà thầu (chỉ huy trưởng công trình, cán bộ phụ trách kỹ thuật thi công, giám sát B ...) các đội, tổ thi công; - Danh sách các loại máy móc thiết bị thi công và vật tư thiết bị mà nhà thầu đăng ký sử dụng cho công trình; - Các đề xuất của nhà thầu được bên giao thầu chấp thuận (nếu có); - Các phụ lục kèm theo của hợp đồng (nếu có).
E-ĐKC 5.2	<p>- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 10% (mười phần trăm) giá hợp đồng. Nhà thầu phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho chủ đầu tư trong vòng 07 ngày (bảy ngày) kể từ ngày hợp đồng được ký kết.</p> <p>- Thời gian hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng là: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ phát hành cho đến khi công trình được</p>

nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng và Nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành công trình theo quy định.

- Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được Chủ đầu tư chấp thuận và tuân thủ mẫu số 15 Chương VIII. Nếu các điều khoản của bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hạn và Nhà thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời điểm 07 ngày trước ngày bảo đảm thực hiện hợp đồng của Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư hết hiệu lực, Nhà thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong.

- Trường hợp Bên B là nhà thầu liên danh thì từng thành viên phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên A, mức bảo đảm tương ứng với phần giá trị hợp đồng mà mỗi thành viên thực hiện. Nếu Liên danh có thỏa thuận nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng thì nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị là 10 phần trăm (%) giá trị của hợp đồng cho Bên A và từng thành viên liên danh phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà thầu đứng đầu liên danh tương ứng với giá trị hợp đồng do mình thực hiện.

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng Bên B phải đảm bảo giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là 10 phần trăm (%) giá trị của hợp đồng đối với mọi trường hợp.

- Nhà thầu sẽ không được nhận lại bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp từ chối thực hiện hợp đồng đã có hiệu lực và các trường hợp:

- + Bên B từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực;
- + Bên B vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;
- + Bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng;
- + Bên B không gia hạn bảo lãnh đúng hạn theo quy định của Hợp đồng;
- + Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền thanh toán cho hợp đồng này sai mục đích.
- + Mức phạt vi phạm thời hạn hoàn thành công trình đạt đến mức tối đa là 12% giá trị hợp đồng bị vi phạm.

	+ Chấm dứt hợp đồng thi công do lỗi của bên B..
E-ĐKC 5.4	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Không chậm hơn 28 ngày kể từ khi Bên B hoàn thành nghĩa vụ của Hợp đồng, công trình được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng và Bên A nhận được Bảo lãnh bảo hành từ Bên B.
E-ĐKC 8.2(d)	Nhà thầu có văn bản trả lời yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian không quá 03 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu.
E-ĐKC 8.8(a)	Nhà thầu có văn bản thông báo trong khoảng thời gian tối thiểu 03 ngày, trước ngày vật tư, thiết bị được vận chuyển tới công trường
E-ĐKC 8.11	Thời gian di dời vật tư, thiết bị ra khỏi công trường: 03 ngày kể từ ngày biên bản nghiệm thu công trình được cấp.
E-ĐKC 9.3	Nhà tư vấn đưa ra chỉ dẫn trả dưới dạng văn bản trong thời hạn không quá 03 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị chỉ dẫn của các bên liên quan.
E-ĐKC 11.1	Danh sách nhà thầu phụ: <i>[ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT].</i>
E-ĐKC 11.2	Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 10% giá hợp đồng.
E-ĐKC 11.4	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ: Không yêu cầu.
E-ĐKC 19.1	<p>Yêu cầu về bảo hiểm:</p> <p>Chứng thư bảo hiểm sẽ được xuất trình chậm nhất là 07 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, nhà thầu phải mua bảo hiểm kể từ ngày khởi công cho đến hết thời hạn bảo hành công trình, bảo hiểm đối với người lao động, bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba cho rủi ro của nhà thầu.</p> <p>Số tiền bảo hiểm tối thiểu, tiền khấu trừ và thời hạn bảo hiểm phải là: Đối với tổn hại về thân thể hoặc chết:</p> <p>(i) Nhân viên của Nhà thầu: tối thiểu 100.000.000 đồng / người.</p>

	(ii) Cửa người khác: tối thiểu 100.000.000 đồng /người. Thời hạn bảo hiểm tính từ ngày thực hiện công việc thi công trên công trường hết thời gian bảo hành công trình.
E-ĐKC 20.1(a)	Thời gian bảo hành công trình 12 tháng (365 ngày), kể từ công trình được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng ngày____ tháng____ năm____
E-ĐKC 21	Thông tin về Công trường là: Nhà thầu được coi là đã thẩm tra và xem xét công trường, khu vực xung quanh công trường, các số liệu và thông tin liên quan đến công trường và đã được thỏa mãn trước khi nộp thầu.
E-ĐKC 24	Ngày tiếp nhận, sử dụng Công trường là: Ngày bàn giao mặt bằng ít nhất là 02 ngày sau khi Chủ đầu tư cùng phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện việc tiếp nhận và bàn giao mặt bằng.
E-ĐKC 27.2	<p>- Thời gian để tiến hành hòa giải: tối đa là 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản khiếu nại của Nhà thầu hoặc Chủ đầu tư.</p> <p>- Giải quyết tranh chấp:</p> <p>+ Thực hiện theo quy định tại Điều 45 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP.</p> <p>+ Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.</p> <p>+ Trường hợp thương lượng không có kết quả thì trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp hợp đồng không thể hòa giải, các bên sẽ gửi vấn đề lên Tòa án nhân dân trong tỉnh Vĩnh Long để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam. Quyết định của Tòa án các cấp có thẩm quyền là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.</p>
B. Quản lý thời gian	
E-ĐKC 28	<p>- Ngày khởi công: Căn cứ thông báo khởi công</p> <p>- Ngày hoàn thành dự kiến: 75 ngày kể từ ngày phát lệnh khởi công.</p>
E-ĐKC 29.1	Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư Biểu tiến độ thi công chi tiết trong vòng 05 ngày từ ngày ký Hợp đồng.

E-ĐKC 29.4	<p>- Thời gian cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết: 15 ngày/lần khi tiến độ thi công có thay đổi hoặc theo yêu cầu của Chủ đầu tư.</p> <p>- Số tiền giữ lại nếu nộp muộn Biểu tiến độ thi công chi tiết cập nhật: 00 đồng.</p>
E-ĐKC 30.7	<p>Các trường hợp khác: Trường hợp các lý do bất khả kháng như trở ngại trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng hoặc các thay đổi thiết kế theo đề nghị của chủ đầu tư hoặc làm thêm khối lượng ngoài hợp đồng, hoặc trở ngại khác thì Công ty Điện lực Vĩnh Long và nhà thầu có văn bản thoả thuận để điều chỉnh thời gian thực hiện hợp đồng. Riêng dịch bệnh tại các khu vực địa lý, quốc gia đã được công bố tình trạng dịch bệnh thì không được coi là điều kiện bất khả kháng trong việc thực hiện các nghĩa vụ của nhà thầu theo hợp đồng. Nhà thầu chịu toàn bộ trách nhiệm về bất kỳ sự kiện chậm tiến độ trong quá trình thực hiện hợp đồng mà không được tính đến các lý do của dịch bệnh, trừ các trường hợp tình trạng dịch bệnh do Chính phủ Việt Nam công bố có ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện các nghĩa vụ theo Hợp đồng của nhà thầu.</p>
C. Quản lý chất lượng	
E-ĐKC 33.2	<p>- Vật tư, máy móc, thiết bị: Tất cả các vật tư, thiết bị phải có xuất xứ rõ ràng, có chứng nhận chất lượng xuất xưởng của nhà sản xuất, hàng mới 100% chưa qua sử dụng và được thử nghiệm theo đúng quy định.</p> <p>- Đối với công tác thiết kế cấp phối bê tông: số lượng thực hiện cho từng công trình: khu vực Đội Quản lý điện Càng Long lấy 2 mẫu cho mỗi loại mác bê tông móng theo thiết kế, khu vực Đội Quản lý điện Cầu Kè lấy 6 mẫu cho mỗi loại mác bê tông móng theo thiết kế.</p> <p>- Đối với công tác thí nghiệm mác bê-tông ưu tiên chọn lấy mẫu thí nghiệm theo vị trí kết cấu chịu lực tương đối lớn hoặc quan trọng như: móng trụ néo, móng trụ vượt sông, móng trụ đỡ MBA, ... vị trí cụ thể do giám sát thi công của Chủ đầu tư xác định (lấy xác suất).</p> <p>- Đối với công tác Thí nghiệm đầm nén đất đắp móng cột: tại các vị trí trụ néo nhưng không sử dụng bộ neo chằng, trụ vượt sông, trụ có lắp đặt máy biến áp; vị trí cụ thể do giám sát thi công của Chủ đầu tư xác định.</p>
D. Quản lý chi phí	

E-ĐKC 40	Loại hợp đồng: Trọn gói.
E-ĐKC 41.1	<p>Giá hợp đồng: “Cố định”.</p> <p>- Giá hợp đồng đã bao gồm thuế GTGT, chi phí thí nghiệm VTTB do Nhà thầu cấp, chi phí thí nghiệm độ đầm nén đất đắp, chi phí thí nghiệm mác bê tông, chi phí đóng cắt điện, chi phí thi công bằng biện pháp thi công hotline và các chi phí khác có liên quan.</p>
E-ĐKC 42.1	<p>a) Giá trị tạm ứng: 30% giá hợp đồng (giá trị hợp đồng trước thuế).</p> <p>- Thời gian tạm ứng: 15 ngày kể từ khi Chủ đầu tư nhận được các tài liệu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giấy đề nghị tạm ứng của Nhà thầu; + Bảo đảm thực hiện hợp đồng theo mẫu trong E-HSMT; + Hợp đồng bảo hiểm; + Bảo lãnh tạm ứng của ngân hàng với số tiền tương đương với giá trị đề nghị tạm ứng và có hiệu lực đến khi Chủ đầu tư thu hồi hết số tiền tạm ứng theo mẫu quy định trong E-HSMT của thông tư 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025. <p>- Bảo lãnh tiền tạm ứng được thực hiện bằng cách nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc ngân hàng được thành lập theo pháp luật Việt Nam và là bảo đảm vô điều kiện (trả tiền khi có yêu cầu), không hủy ngang. Trường hợp hiệu lực bảo lãnh tiền tạm ứng hết hạn trước ngày quy định nhưng bên A vẫn chưa thu hồi hết tiền tạm ứng, bên B sẽ chịu trách nhiệm gia hạn hiệu lực bảo lãnh tiền tạm ứng và thanh toán chi phí cho việc gia hạn này.</p> <p>- Thu hồi tiền tạm ứng:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Chủ đầu tư thu hồi tiền tạm ứng ngay từ lần thanh toán đầu tiên và các lần thanh toán tiếp theo và thu hồi hết khi thanh toán đạt 80% giá hợp đồng. + Tiền tạm ứng được thu hồi bằng cách giảm trừ trong các lần thanh toán. Tỷ lệ giảm trừ sẽ dựa trên tỷ lệ thu hồi được quy định như sau: $\text{Tỷ lệ giải trừ từng đợt (\%)} = \frac{\% \text{ giá trị khối lượng thanh toán đợt so với giá trị hợp đồng}}{80\%} \times 100\%$ <p>- Gia hạn bảo lãnh tạm ứng: Nếu Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực. Bên B phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng và nộp cho Bên A tối thiểu 21 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực. Nếu Bên B không giao nộp đúng hạn. Bên A có quyền tịch thu toàn bộ giá trị Bảo lãnh tạm</p>

	<p>ứng. Mọi chi phí liên quan đến gia hạn, bổ sung giá trị, hiệu chỉnh Bảo lãnh tạm ứng do Bên B chi trả.</p> <p>- Tịch thu bảo lãnh tạm ứng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau: (1) Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích; (2) Bên B không gia hạn Bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng; (3) Bên B không bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định.</p> <p>+ Bên A có quyền khấu trừ hoặc tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp Bên B vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc từ chối gia hạn bảo lãnh theo quy định.</p> <p>+ Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh.</p> <p>- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Bên A lựa chọn khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào mà Bên B có nghĩa vụ chi trả theo hợp đồng thì sau đó Bên B có trách nhiệm phải bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng như quy định nếu không Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng.</p>
<p>E-ĐKC 44.1</p>	<p>1. Hình thức thanh toán: Bằng chuyển khoản</p> <p>2. Thời hạn thanh toán: trong vòng 15 ngày làm việc kể từ khi nhà thầu xuất trình đầy đủ hồ sơ thanh toán theo yêu cầu.</p> <p>3. Phương thức thanh toán:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Nguyên tắc thanh toán: <p>Số lần thanh toán sẽ được tiến hành 03 đợt (không kể đợt thanh toán tạm ứng lần đầu).</p> <p>+ Đợt 1: Khối lượng thi công đạt trên 30% giá trị hợp đồng (theo từng công trình), tổ chức nghiệm thu quyết toán khối lượng đợt 1 (nhà thầu thi công cung cấp đầy đủ các thủ tục nghiệm thu đợt 1, quyết toán khối lượng đợt 1,...) thì chủ đầu tư sẽ thanh toán cho nhà thầu nhưng không vượt quá 60% giá trị hợp đồng. Chủ đầu tư thu hồi tiền mà nhà thầu tạm ứng (theo từng công trình) theo tỷ lệ giải trừ từng đợt nêu tại E-ĐKC 42.1.</p> <p>+ Đợt 2: Khối lượng thi công đạt trên 60% giá trị hợp đồng (theo từng công trình), tổ chức nghiệm thu quyết toán khối lượng đợt 2 (nhà thầu thi công cung cấp đầy đủ các thủ tục nghiệm thu đợt 2, quyết toán khối lượng đợt 2,...) thì chủ đầu tư sẽ thanh toán cho nhà thầu nhưng không vượt quá 80% giá trị hợp đồng (theo từng công trình). Chủ đầu tư thu hồi hết phần tiền còn lại mà nhà thầu đã tạm ứng.</p>

	<p>+ Đợt 3: Thanh toán toàn bộ giá trị thực hiện còn lại sau khi nhà thầu hoàn thành các công việc (hoàn tất các thủ tục tổng nghiệm thu công trình, quyết toán khối lượng xây lắp hoàn thành, hoàn trả vật tư thiết bị do chủ đầu tư cung cấp, hoàn trả vật tư thu hồi, hoàn tất việc lập và phê duyệt công tác phát sinh, hoàn tất lập và nộp bản vẽ hoàn công...), thoả thuận theo hợp đồng (nếu có). Chủ đầu tư giữ 5% giá trị chờ phê duyệt quyết toán và 5% giá trị bảo hành công trình. Nhà thầu cung cấp chứng thư bảo lãnh bảo hành công trình tương đương 5% giá trị quyết toán công trình và 5% giá trị chờ phê duyệt quyết toán thì chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu số tiền tương ứng này. Chứng thư bảo lãnh bảo hành được thực hiện bằng cách nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc ngân hàng được thành lập theo pháp luật Việt Nam.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Hồ sơ thanh toán khối lượng thực hiện: <ul style="list-style-type: none"> + Hồ sơ nghiệm thu (theo đúng biểu mẫu đã quy định) kèm theo Biên bản nghiệm thu khối lượng thực hiện trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện nhà thầu, chủ đầu tư và tư vấn giám sát; trong đó có cột khối lượng tăng hoặc giảm so với hợp đồng (đối với nghiệm thu hoàn thành) + Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị thanh toán theo mẫu quyết toán kèm theo Nghị định 254/2025/NĐ-CP ngày 26/9/2025 của Chính Phủ + Bảng tính giá trị khối lượng phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi hợp đồng theo mẫu quyết toán kèm theo Nghị định 254/2025/NĐ-CP ngày 26/9/2025 của Chính Phủ + Hoá đơn giá trị gia tăng + Đề nghị thanh toán của Nhà thầu bao gồm: Giá trị hoàn thành theo hợp đồng, giá trị cho những công việc phát sinh (nếu có), giá trị đề nghị thanh toán sau khi đã bù trừ các khoản giữ lại (nếu có)
E-ĐKC 45	<p>Điều chỉnh thuế: Được phép. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.</p>
E-ĐKC 46.1	<p>Phần tiền giữ lại từ số tiền thanh toán là: Chủ đầu tư sẽ giữ lại khoản tiền là 5% giá trị quyết toán của từng đợt</p>
	<p>Trường hợp sửa đổi hợp đồng: Theo tình hình thực tế chủ đầu tư và nhà thầu thống nhất thực hiện theo quy định</p>

<p>E-ĐKC 47.1(d)</p>	<p>* Điều chỉnh khối lượng hợp đồng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Những khối lượng công việc tăng do lỗi chủ quan của Nhà thầu gây ra thì không được phép điều chỉnh. - Trường hợp thay đổi thiết kế xây dựng công trình được Chủ đầu tư chấp thuận mà làm thay đổi khối lượng so với phạm vi công việc cần thực hiện theo hợp đồng thì phần khối lượng này (tăng, giảm, bổ sung) được điều chỉnh tương ứng. Việc điều chỉnh khối lượng này là căn cứ để điều chỉnh giá hợp đồng. <hr/> <p>* Điều chỉnh giá hợp đồng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Việc điều chỉnh giá hợp đồng chỉ được áp dụng trong thời gian hợp đồng còn hiệu lực. - Khi phát sinh khối lượng ngoài phạm vi hợp đồng và chưa có đơn giá trong hợp đồng thì các bên tham gia hợp đồng thống nhất đơn giá trước khi thực hiện. Đơn giá này được xác định căn cứ vào điều kiện thực tế, thông tư hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình của Bộ Xây dựng; Tỷ lệ chiết giảm 10% giá trị phát sinh ngoài thầu sau khi loại trừ chi phí vật tư thiết bị do nhà thầu thi công cấp (không chiết giảm phần chi phí vật tư, thiết bị do nhà thầu thi công cấp); Đối với vật tư thiết bị cần phải được chủ đầu tư hoặc đơn vị được chủ đầu tư ủy quyền chấp thuận đơn giá hoặc thỏa thuận cung cấp chứng từ mua sắm trước khi thực hiện. - Đối với khối lượng tăng đơn giá có trong hợp đồng hoặc giảm so với phạm vi công việc cần thực hiện theo hợp đồng thì áp dụng đơn giá trong hợp đồng để điều chỉnh tăng hoặc giảm giá hợp đồng tương ứng
<p>E-ĐKC 47.7</p>	<p>Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 0 % giá trị giảm giá hợp đồng.</p>
<p>E-ĐKC 49.1</p>	<p>Phạt hợp đồng:</p> <p>(a) Phạt vi phạm thời hạn hoàn thành công trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Chậm trễ 07 ngày đầu phạt 3% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm. + Chậm trễ 03 ngày tiếp theo mỗi lần trễ phạt 3% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm. <p>(b) Phạt chất lượng thi công công trình không đúng thỏa thuận trong hợp đồng:</p> <p>Phạt 3% giá trị các hạng mục hoặc hạng mục xây lắp vi phạm về chất lượng trong các trường hợp sau:</p>

	<p>+ Thi công công trình không đảm bảo chất lượng, không phù hợp với quy chuẩn Việt Nam và các tiêu chuẩn Việt Nam về nghiệm thu công trình xây dựng.</p> <p>+ Thi công công trình không đúng biện pháp thi công được duyệt để xảy ra tai nạn, sự cố sập đổ công trình.</p> <p>+ Thi công công trình không đúng BCKTKT</p>
	<p>(c) Mức phạt vi phạm hợp đồng không vượt quá 12% giá trị hợp đồng bị vi phạm. Khi đạt đến mức phạt tối đa thì chủ đầu tư sẽ tiến hành chấm dứt hợp đồng và nhà thầu thi công không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng.</p>
E-ĐKC 49.2	<p>Bồi thường thiệt hại: Ngoài việc phạt hợp đồng các trường hợp vi phạm tại E-ĐKC 49.1, nhà thầu còn phải bồi thường thiệt hại cho chủ đầu tư, bên thứ ba (nếu có). Mức bồi thường thiệt hại tương đương với mức tổn thất của bên kia.</p> <p>Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế.</p>
E-ĐKC 49.3	<p>Thưởng hợp đồng: không áp dụng.</p>
	<p>E. Kết thúc hợp đồng</p>
E-ĐKC 54	<p>Thời gian bàn giao công trình: từ ngày các bên ký biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng và xóa các tồn tại trong quá trình nghiệm thu. Nhà thầu chuyển sang giai đoạn bảo hành công trình (bảo hành công trình là 12 tháng)</p>
E-ĐKC 55.1	<p>Thời gian nộp bản vẽ hoàn công: Trong vòng 05 ngày kể từ ngày hoàn thành công trình.</p>
E-ĐKC 55.2	<p>Số tiền giữ lại: 409.765.724 đồng (5% giá trị quyết toán)</p>
E-ĐKC 56.1(a)	<p>Nhà thầu phải nộp hồ sơ quyết toán công trình trong 03 ngày (làm việc) kể từ ngày nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của hợp đồng.</p>